TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**24**/2020/HNGĐ – ST
Ngày 21/8/2020
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 21/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2020/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2020; Về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Ngọc L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 501, ấp L, xã P, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1972**.** Địa chỉ: Số 501, ấp L, xã P, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Ngọc L trình bày*:

Bà với ông Huỳnh Văn G cưới nhau năm 1991, có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên, nhưng từ khi cưới cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 04 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Kh, sinh năm 1992; Huỳnh Bảo Ng, sinh năm 1994; Huỳnh Bảo Th, sinh năm 1997 và Huỳnh Bảo T, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập. Trong những năm gần đây, bà với ông G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, ông G không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc, nhậu nhẹt, sống không có trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 6 năm 2016, ông G bỏ

nhà đi nói là đi làm ăn nhưng thực tế bà không biết đi đâu, làm ăn cái gì, không gửi tiền để phụ giúp bà chăm lo cho các con. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông G, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng như trước đây và tiếp tục sống chung với nhau nên làm đơn xin ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Văn G theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Các con Huỳnh Ngọc Bảo Kh, Huỳnh Bảo Ng, Huỳnh Bảo Th và Huỳnh Bảo T đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2020 bị đơn ông Huỳnh Văn G trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống của vợ chồng, có 04 con chung. Ông với bà L có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nhưng giữa ông với bà L không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn, vì ông còn thương vợ, con. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn G. Xét thấy, ông Huỳnh Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông G theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Ngọc L với ông Huỳnh Văn G cưới nhau năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 04 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Kh, sinh năm 1992, Huỳnh Bảo Ng, sinh năm 1994, Huỳnh Bảo Th, sinh năm 1997 và Huỳnh Bảo T, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập. Theo bà L trình bày, trong những năm gần đây, bà L với ông G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông G không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên đánh bạc, uống rượu, không phụ giúp kinh tế với bà để cùng lo cho các con. Hiện nay bà L với ông G đã sống ly thân, bà không còn tình cảm với ông G, nên không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung với nhau. Vì vậy, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với ông G. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy, bà Ngô Ngọc L với ông Huỳnh Văn G cưới nhau năm 1991, chung sống với nhau từ đó cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn

dẫn đến ly hôn là do ông G thường xuyên đánh bạc, uống rượu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bà với ông G đã sống ly thân, bà không còn tình cảm với ông G, nên không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung với nhau. Còn ông G cho rằng, mâu thuẫn giữa ông bà không có gì trầm trọng, chỉ cự cãi nhau về tiền bạc, nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, động viên để hai bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và giải thích hậu quả pháp lý về việc quan hệ hôn nhân của ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu, cương quyết xin ly hôn với ông G, vì theo bà L là không còn tình cảm với ông G, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau. Xét yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L với ông G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và bà L cương quyết ly hôn, còn ông G cho rằng còn thương vợ con nhưng sau khi hòa giải tại Tòa án thì ông cũng không có giải pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như ông cũng không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà L, mà ông chỉ vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Ngọc L, là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L với ông Huỳnh Văn G.

[4] Về con chung: Bà L với ông G có 04 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Ngô Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Ngô Ngọc L với ông Huỳnh Văn G là vợ chồng.

2/ Về con chung: Bà Ngô Ngọc L với ông Huỳnh Văn G có 04 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Kh, Huỳnh Bảo Ng, Huỳnh Bảo Th và Huỳnh Bảo T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Bà Ngô Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005111 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Ngô Ngọc L đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với ông Huỳnh Văn G thời hạn kháng các được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha